

BẢNG THANH TOÁN CHO ĐỔI TỰ ĐỘNG THỦ HƯỞNG

Mẫu số 09

Kèm theo Giấy rút dư toán/Ủy nhiệm chi số: RDT2024/

ngày tháng 11 năm 2024

và Giấy rút dư toán số: RDT2024/167 ngày 01 tháng 11 năm 2024

Mã hiệu:

Số:

Tài khoản dự toán

Tài khoản tiên gửi:

1. Đơn vị sử dụng ngân sách: Trường Trung học Phổ thông Tiêu La

2. Mã đơn vị: 1009977

3. Tài khoản thanh toán của đơn vị mở tại ngân hàng thương mại: Tài khoản: 8670 034 642, mở tại NH BIDV CN Quảng Nam

1. Nội dung đề nghị thanh toán: Truy lĩnh Tiền lương và phụ cấp theo lương theo NB 73/2024/NB-CP từ tháng 7,8,9,10/2024

(Đơn vị: Đồng)

TT	Họ và tên	Tài khoản ngân hàng		Tổng số	Trong đó:							Ghi chú
		Số Tài khoản người hưởng	Tên ngân hàng		Lương và phụ cấp theo lương	Tiền công lao động thường xuyên theo hợp đồng	Tiền thu nhập tăng thêm	Tiền thưởng	Tiền phụ cấp và trợ cấp khác	Tiền khoán	Tiền học bổng	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	
	Tổng số		962.309.199	962.309.199	0	0	0	0	0	0		
	Đối với công chức, viên chức		962.309.199	962.309.199	0	0	0	0	0	0		
1	Bùi Cao Văn	8800044099	BIDV CN Quảng Nam	17.930.140	17.930.140							
2	Nguyễn Tân Lương	8813386876	BIDV CN Quảng Nam	17.609.584	17.609.584							
3	Nguyễn Việt Trung	8843386877	BIDV CN Quảng Nam	15.648.185	15.648.185							
4	Lê Văn Đức	8863386878	BIDV CN Quảng Nam	15.671.298	15.671.298							
5	Liên Thị Thu	8883386879	BIDV CN Quảng Nam	14.779.232	14.779.232							
6	Phan Thị Tinh	8863386880	BIDV CN Quảng Nam	15.164.936	15.164.936							
7	Võ Thị Thúy Nga	8893386881	BIDV CN Quảng Nam	15.164.936	15.164.936							
8	Nguyễn Thị Dương	8813386882	BIDV CN Quảng Nam	13.912.822	13.912.822							
9	Phạm Thị Bích Nga	8833386883	BIDV CN Quảng Nam	10.331.630	10.331.630							
10	Nguyễn Thị Toản	8863386884	BIDV CN Quảng Nam	10.331.630	10.331.630							
11	Nguyễn Thị Vân	8883386885	BIDV CN Quảng Nam	12.674.919	12.674.919							
12	Nguyễn Hữu Phúc	8833386887	BIDV CN Quảng Nam	13.800.456	13.800.456							
13	Hồ Trần Thị Bảo Chuyên	4203215037358	Agribank Thăng Bình	11.456.008	11.456.008							
14	Ngô Thị Lành	8873386889	BIDV CN Quảng Nam	10.543.896	10.543.896							
15	Cao Thị Cúc	5025592359	BIDV CN Quảng Nam	12.821.068	12.821.068							
16	Trần Ngọc Nhò	8853386890	BIDV CN Quảng Nam	16.534.058	16.534.058							
17	Nguyễn Thị Oanh	8883386891	BIDV CN Quảng Nam	8.207.568	8.207.568							
18	Nguyễn Thị Thanh Cúc	8803386892	BIDV CN Quảng Nam	15.164.936	15.164.936							
19	Trương Thị Hương	8823386893	BIDV CN Quảng Nam	16.048.036	16.048.036							
20	Nguyễn Thị Thu Hà	8853386894	BIDV CN Quảng Nam	15.116.800	15.116.800							
21	Nguyễn Việt Quang	8800048099	BIDV CN Quảng Nam	13.912.822	13.912.822							
22	Huyền Văn Chung	8873386895	BIDV CN Quảng Nam	13.136.624	13.136.624							
23	Nguyễn Thị Nga	8893386896	BIDV CN Quảng Nam	15.213.072	15.213.072							
24	Thái Ngọc Đồi	8823386897	BIDV CN Quảng Nam	19.091.614	19.091.614							
25	Nguyễn Văn Phú	8843386898	BIDV CN Quảng Nam	15.926.228	15.926.228							

ATM



TT	Họ và tên	Tài khoản ngân hàng		Tổng số	Trong đó:						Ghi chú	
		Số Tài Khoản người hưởng	Tên ngân hàng		Lương và phụ cấp theo lương	Tiền công lao động thường xuyên theo hợp đồng	Tiền thu nhập tăng thêm	Tiền thưởng	Tiền phụ cấp và trợ cấp khác	Tiền khoản		Tiền học bổng
26	Phan Thị Phu	8863386899	BIDV CN Quảng Nam	14.002.583	14.002.583							
27	Nguyễn Tiên Vinh	8813386900	BIDV CN Quảng Nam	13.935.296	13.935.296							
28	Nguyễn Thị Kim Nguyệt	8843386901	BIDV CN Quảng Nam	11.475.292	11.475.292							
29	Nguyễn Đức Hiền	8863386902	BIDV CN Quảng Nam	13.845.402	13.845.402							
30	Hồ Thị Hoài Hương	8883386903	BIDV CN Quảng Nam	14.361.623	14.361.623							
31	Mai Thị Trúc Hà	8842927965	BIDV CN Quảng Nam	10.331.630	10.331.630							
32	Hồ Thị Thu Thủy	8813386904	BIDV CN Quảng Nam	15.286.744	15.286.744							
33	Đinh Văn Tú	8833386905	BIDV CN Quảng Nam	14.078.508	14.078.508							
34	Trương Minh Hà	8803341317	BIDV CN Quảng Nam	12.695.798	12.695.798							
35	Nguyễn Thông	8853386906	BIDV CN Quảng Nam	13.912.822	13.912.822							
36	Hoàng Thị Kim Thi	8883386907	BIDV CN Quảng Nam	11.456.008	11.456.008							
37	Nguyễn Thủy Diệu Ánh	8803386908	BIDV CN Quảng Nam	6.040.008	6.040.008							
38	Đỗ Quốc Thiên Trang	8823386909	BIDV CN Quảng Nam	7.431.804	7.431.804							
39	Vân Thị Bé	8803386910	BIDV CN Quảng Nam	15.164.936	15.164.936							
40	Phan Thị May	8833386911	BIDV CN Quảng Nam	15.743.520	15.743.520							
41	Trương Thị Hồng Minh	8853386912	BIDV CN Quảng Nam	15.116.800	15.116.800							
42	Trần Thị Thu Thảo	8873386913	BIDV CN Quảng Nam	13.912.822	13.912.822							
43	Đoàn Thị Kim Hoa	8803386914	BIDV CN Quảng Nam	10.225.500	10.225.500							
44	Nguyễn Ngọc Đinh	8823386915	BIDV CN Quảng Nam	11.378.872	11.378.872							
45	Phan Châu Niêm	8843386916	BIDV CN Quảng Nam	18.107.124	18.107.124							
46	Hồ Xuân Sơn	883333793	BIDV CN Quảng Nam	14.361.623	14.361.623							
47	Vương Chí Sĩ	8873386917	BIDV CN Quảng Nam	15.764.800	15.764.800							
48	Nguyễn Tuy	8893386918	BIDV CN Quảng Nam	13.912.822	13.912.822							
49	Phan Thị Lệ Mỹ	8813386919	BIDV CN Quảng Nam	10.367.008	10.367.008							
50	Nguyễn Phúc Hương	8893386920	BIDV CN Quảng Nam	18.534.632	18.534.632							
51	Lê Văn Hiền	8823386921	BIDV CN Quảng Nam	15.598.168	15.598.168							
52	Phan Văn Nghĩa	8843386922	BIDV CN Quảng Nam	14.361.623	14.361.623							
53	Đoàn Thị Phương	8863386923	BIDV CN Quảng Nam	13.912.822	13.912.822							
54	Trần Thị Ngọc Phương	5621023680	BIDV CN Quảng Nam	12.695.798	12.695.798							
55	Đỗ Thị Thuận	8893386924	BIDV CN Quảng Nam	13.912.822	13.912.822							
56	Dương Thị Như Trang	8813386925	BIDV CN Quảng Nam	12.161.860	12.161.860							
57	Lê Hồng Sa	8833386926	BIDV CN Quảng Nam	11.143.595	11.143.595							
58	Nguyễn Thị Thanh	8863386927	BIDV CN Quảng Nam	8.396.154	8.396.154							
59	Phan Thị Thanh Vân	8883386928	BIDV CN Quảng Nam	11.143.595	11.143.595							
60	Nguyễn Xuân Tinh	8803386929	BIDV CN Quảng Nam	10.331.630	10.331.630							
61	Dương Hồng Hải	8883386930	BIDV CN Quảng Nam	10.755.058	10.755.058							
62	Nguyễn Thị Xuân Đào	8813386931	BIDV CN Quảng Nam	13.890.348	13.890.348							
63	Trần Thị Phương Duyên	8833386932	BIDV CN Quảng Nam	13.912.822	13.912.822							
64	Nguyễn Thị Kim Nguyệt	4203215029786	Agribank Thăng Bình	3.791.234	3.791.234							
65	Dương Thị Ngọc Hà	8853386933	BIDV CN Quảng Nam	14.637.144	14.637.144							

ĐẠO TẠC
TRƯỜNG
SỞ HỌC VÀ TH
LIÊN LA

Handwritten signature

TT	Họ và tên	Tài khoản ngân hàng		Tổng số	Trong đó:					Ghi chú	
		Số Tài khoản người hưởng	Tên ngân hàng		Lương và phụ cấp theo lương	Tiền công lao động thường xuyên theo hợp đồng	Tiền thu nhập tăng thêm	Tiền thưởng	Tiền phụ cấp và trợ cấp khác		Tiền khoán
66	Phạm Thị Sen	8883386934	BIDV CN Quảng Nam	13.912.822	13.912.822						
67	Phạm Thị Xuân Hiếu	8803386935	BIDV CN Quảng Nam	12.654.040	12.654.040						
68	Bùi Quốc Công	8823386936	BIDV CN Quảng Nam	14.361.623	14.361.623						
69	Châu Thị Hiền	8853386937	BIDV CN Quảng Nam	14.115.084	14.115.084						
70	Nguyễn Thị Ngọc Phạm	8873386938	BIDV CN Quảng Nam	13.912.822	13.912.822						
71	Dương Quốc Huy	8807445999	BIDV CN Quảng Nam	8.412.768	8.412.768						
72	Lê Thị Linh	8893386939	BIDV CN Quảng Nam	4.175.712	4.175.712						
73	Trần Thị Bích Thảo	8873386940	BIDV CN Quảng Nam	7.669.512	7.669.512						
74	Nguyễn Hồ Công Huy	8803386941	BIDV CN Quảng Nam	4.813.668	4.813.668						

Số tiền ghi bằng chữ: Chín trăm sáu mươi hai triệu hai trăm linh tám ngàn không trăm chín mươi lăm đồng chẵn./

II. Phần thuyết minh thay đổi số với tháng trước:

Người lập

Dương Quốc Huy

Kế toán trưởng

Dương Quốc Huy

Thăng Bình, ngày 01 tháng 11 năm 2024

Thủ trưởng đơn vị

Bùi Cao Văn

KHO BẠC NHÀ NƯỚC

Thăng Bình, ngày tháng năm 2024

Giám đốc KBNN cấp tỉnh hoặc Lãnh đạo phòng
được ủy quyền/Giám đốc KBNN quận, huyện

Chuyên viên kiểm soát chi/Giao dịch viên